

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp thu hút	12	071	6103	00000	0	0	0	104.550.000	0	104.550.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	071	6115	00000	0	0	117.833.403	229.358.354	117.833.403	229.358.354
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	12	071	6116	00000	0	0	0	240.655.950	0	240.655.950
Bảo hiểm xã hội	12	071	6301	00000	0	0	19.617.739	39.134.605	19.617.739	39.134.605
Bảo hiểm y tế	12	071	6302	00000	0	0	3.461.954	6.807.702	3.461.954	6.807.702
Kinh phí công đoàn	12	071	6303	00000	0	0	2.307.970	4.538.470	2.307.970	4.538.470
Bảo hiểm thất nghiệp	12	071	6304	00000	0	0	1.153.985	2.269.235	1.153.985	2.269.235
Các khoản đóng góp khác	12	071	6349	00000	0	0	576.994	576.994	576.994	576.994
Chi khác	12	071	6449	00000	0	0	410.024.350	493.874.350	410.024.350	493.874.350
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	770.483.619	1.515.096.219	770.483.619	1.515.096.219
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	121.949.100	240.292.400	121.949.100	240.292.400
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	9.834.000	19.668.000	9.834.000	19.668.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	262.208.634	515.202.373	262.208.634	515.202.373
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	447.000	894.000	447.000	894.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	1.113.030	2.226.060	1.113.030	2.226.060
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	149.601.196	303.462.112	149.601.196	303.462.112

Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	26.400.212	52.776.368	26.400.212	52.776.368
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	17.600.140	35.184.244	17.600.140	35.184.244
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	8.800.070	17.592.122	8.800.070	17.592.122
Các khoản đóng góp khác	13	071	6349	00000	0	0	4.353.238	4.353.238	4.353.238	4.353.238
Chi khác	13	071	6449	00000	0	0	0	86.400.000	0	86.400.000
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	68.373.987	100.287.823	68.373.987	100.287.823
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	627.900	1.136.200	627.900	1.136.200
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	6.142.500	26.014.500	6.142.500	26.014.500
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	071	6601	00000	0	0	132.220	262.018	132.220	262.018
Khoản điện thoại	13	071	6618	00000	0	0	2.700.000	5.400.000	2.700.000	5.400.000
Khác	13	071	6649	00000	0	0	2.909.000	2.909.000	2.909.000	2.909.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	8.400.000	16.800.000	8.400.000	16.800.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	35.334.800	86.862.800	35.334.800	86.862.800
Lương theo ngạch, bậc	14	071	6001	00000	0	0	159.613.885	314.533.285	159.613.885	314.533.285
Phụ cấp chức vụ	14	071	6101	00000	0	0	2.046.000	4.092.000	2.046.000	4.092.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	071	6112	00000	0	0	54.284.396	106.920.677	54.284.396	106.920.677
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	071	6113	00000	0	0	93.000	186.000	93.000	186.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14	071	6115	00000	0	0	24.642.310	48.077.056	24.642.310	48.077.056
Bảo hiểm xã hội	14	071	6301	00000	0	0	31.164.443	62.734.466	31.164.443	62.734.466
Bảo hiểm y tế	14	071	6302	00000	0	0	5.499.610	10.911.616	5.499.610	10.911.616
Kinh phí công đoàn	14	071	6303	00000	0	0	3.666.406	7.274.410	3.666.406	7.274.410
Bảo hiểm thất nghiệp	14	071	6304	00000	0	0	1.833.203	3.637.205	1.833.203	3.637.205
Các khoản đóng góp khác	14	071	6349	00000	0	0	916.603	916.603	916.603	916.603
Chi khác	14	071	6449	00000	0	0	1.417.139.608	1.417.139.608	1.417.139.608	1.417.139.608
Cộng:					0	0	3.753.286.505	6.131.008.063	3.753.286.505	6.131.008.063

Phản KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 3 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngô Hoàng Lâm

Người ký: Van Ngo Thi Bich 03
Ngày ký: 03/07/2024 07:56:56
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ Chí Minh

Van Ngo Thi Bich 03

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Huỳnh Thị Thanh Nga
Ngày ký: 01/07/2024 08:27:17
Đơn vị: Trường Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2

Người ký: Huỳnh Thị Diễm
Ngày ký: 01/07/2024 11:45:54
Đơn vị: Trường Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2

Huỳnh Thị Thanh Nga

Huỳnh Thị Diễm